

Quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc theo đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986 - 1991)

• **Phạm Phúc Vĩnh**

Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT:

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (từ 05/12/1986 đến 18/12/1986), Đảng Cộng sản (ĐCS) Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó có hoạt động đối ngoại. Riêng đối với Trung Quốc, ĐCS Việt Nam đã đưa ra chủ trương thể hiện quyết tâm đẩy nhanh tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ năm 1986 trở đi, Việt Nam đã nhiều lần chủ động đề nghị Trung Quốc nói lại đàm phán để bình thường hóa quan hệ hai nước và chủ động giảm căng

thẳng trong quan hệ với Trung Quốc. Tuy nhiên, chính sách của Trung Quốc lúc này là chưa muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Đến năm 1989, tình hình thế giới có nhiều biến đổi, việc duy trì tình trạng căng thẳng trong quan hệ Việt - Trung không còn phù hợp với xu thế hòa bình và hợp tác trong quan hệ quốc tế và khu vực. Trung Quốc đã nói lại đàm phán với Việt Nam và đến tháng 11/1991, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã được bình thường hóa.

Từ khóa: Việt Nam, Trung Quốc, bình thường hóa, đổi mới, đối ngoại

1. Những điều chỉnh chủ trương đối với Trung Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội V (3/1982) đến Đại hội VI (11/1986)

Đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của Việt Nam đã trở nên nghiêm trọng, chỗ dựa quốc tế - ngoại lực quan trọng nhất của Việt Nam lúc này là Liên Xô cũng đang khủng hoảng đã làm cho Việt Nam ngày càng khó khăn hơn. Vấn đề đặt ra lúc này là cùng với việc đổi mới các chính sách đối nội, Việt Nam phải phá được thế bị bao vây, cô lập về đối ngoại, mở rộng quan hệ quốc tế để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Từ thực tế trên, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của ĐCS Việt Nam (tháng 3/1982) đã có những thay đổi trong chính sách đối ngoại. Văn

kiện Đại hội xác định: “Nhân dân Việt Nam chủ trương thiết lập những quan hệ láng giềng tốt với các nước ASEAN, luôn luôn sẵn sàng phối hợp, cố gắng để xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình và ổn định”¹. Đối với các nước khác thì sẵn sàng “thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước về kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị xã hội, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền bình đẳng cùng có lợi”².

Tuy nhiên, những tuyên bố về chủ trương đối ngoại mới của Việt Nam năm 1982 đã không được các nước ASEAN và phương Tây ủng hộ. Nguyên

¹ ĐCS Việt Nam (1982), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần V (t.1), Nxb Sự Thật, Hà Nội, tr. 153.

² ĐCS Việt Nam (1982), Sdd, tr. 155.

nhân của tình trạng đó không nằm ngoài việc quân tình nguyện Việt Nam vẫn còn trên lãnh thổ Campuchia. Việc giải quyết “vấn đề Campuchia” chính là “chìa khóa” để Việt Nam mở cánh cửa giao lưu tiếp xúc với bên ngoài, phá thế bị cô lập. Tuy nhiên, việc giải quyết “vấn đề Campuchia” lại liên quan đến nhiều nước khác nhau, trong đó Trung Quốc có một vị trí rất quan trọng. Chính vì vậy, Việt Nam không thể không cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Để mở đường cho việc giải quyết “vấn đề Campuchia”, tiến tới mở rộng quan hệ quốc tế, từ 1982 đến 1985, Việt Nam liên tiếp đưa ra những tuyên bố và hành động nhằm tìm cách giảm căng thẳng, tìm cách nói lại đàm phán, khôi phục quan hệ với Trung Quốc: tháng 7/1982, thông qua Hội nghị Ngoại trưởng ba nước Đông Dương, Việt Nam đã đưa ra tuyên bố rằng: “*mong muốn có quan hệ hòa bình hữu nghị và hợp tác với Trung Quốc trong cùng tồn tại hòa bình và nói lại đàm phán Trung - Việt*”³. Ngày 17/7/1982, Việt Nam đã chủ động rút một phần quân tình nguyện ở Campuchia về nước và tuyên bố sẽ tiếp tục rút như vậy hàng năm. Trung Quốc đã không quan tâm nhiều đến các đề nghị của Việt Nam về việc cải thiện quan hệ Trung - Việt và Việt Nam chỉ nhận được từ phía Trung Quốc một lời tuyên bố kém thiện chí rằng: “*Trung Quốc yêu cầu Việt Nam rút ngay quân khỏi Campuchia, không kéo đến 1990*”⁴. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn tiếp tục đề nghị khả năng đàm phán vô điều kiện với Trung Quốc và tại Hội nghị Ngoại trưởng ba nước Đông Dương ngày 08/6/1986, Việt Nam tiếp tục tuyên bố “*...sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc ở bất cứ đâu và ở bất cứ cấp nào*”⁵ và nhờ Liên Xô chuyển cho phía Trung Quốc đề nghị của Việt Nam về việc nói lại đàm phán Trung - Việt.

Từ chủ trương chuyển từ đối đầu sang đối thoại, đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình đối với các

mối quan hệ quốc tế được xác định trong Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị (7/1986), Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (diễn ra từ 05/12/1986 đến 18/12/1986) của ĐCS Việt Nam khẳng định: “*Chính phủ và nhân dân Việt Nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước và đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hóa quan hệ giữa nước ta và Cộng hòa nhân dân (CHND) Trung Hoa*”, và “*Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu, nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới*”⁶.

2. Những nỗ lực nói lại đàm phán của Việt Nam trong giai đoạn 1986 - 1989

Thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng, Việt Nam tiếp tục thực hiện rút quân khỏi Campuchia và hàng loạt hành động trực tiếp thể hiện thái độ hòa hoãn, giảm căng thẳng và mong muốn bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc⁷.

Bất chấp những đề nghị và hành động có thiện chí của Việt Nam, từ năm 1986 đến giữa năm 1988, Trung Quốc vẫn tỏ thái độ bất hợp tác, tiếp tục đưa ra điều kiện đòi Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia hoàn toàn và đồng thời đẩy mạnh các hoạt động tranh chấp trên biển Đông⁸. Thái độ trên

⁶ ĐCS Việt Nam (1982), Sđd, tr. 107.

⁷ Ngày 5/01/1987, Ban Bí thư đã ra Thông tri đề nghị Trung Quốc cùng với Việt Nam giảm căng thẳng ở vùng biên giới Việt - Trung; tháng 3/1987, Việt Nam đơn phương quyết định giảm quân chủ lực ở vùng biên giới phía Bắc; Năm 1988, Việt Nam đã bỏ những nội dung chống đối Trung Quốc trong lời nói đầu của Hiến pháp.

Ngày 11/10/1987, Bộ Quốc phòng Việt Nam và Campuchia đã ra Thông cáo chung về việc rút quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước đợt 6 vào tháng 11/1987. Ngày 26/5/1988, Việt Nam tiếp tục tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ tư lệnh Việt Nam tại Campuchia.

⁸ Ngày 15/4/1987, Trung Quốc đã ra tuyên bố lên án quân đội Việt Nam “chiếm đóng” đảo đá Ba Tiều thuộc quần đảo Trường Sa (của Việt Nam), yêu cầu Việt Nam rút khỏi Ba Tiều và chín hòn đảo khác và bảo lưu quyền thu hồi các đảo này vào thời điểm thích hợp (?).

³ Lưu Văn Lợi (1998), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995 (t.2)*, Nxb CAND, Hà Nội, tr. 202.

⁴ Lưu Văn Lợi (1998), Sđd, tr. 204.

⁵ Lưu Văn Lợi (1998), Sđd, tr. 204.

của Trung Quốc đã làm cho những nỗ lực ngoại giao của Việt Nam trở nên vô nghĩa.

Trong khi Trung Quốc không đáp lại những thiện chí của Việt Nam trong việc giải quyết “vấn đề Campuchia”, thì ngược lại các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế đã đón nhận một cách tích cực. Năm 1987 là năm chứng kiến những thay đổi có tính bước ngoặt trong lập trường của ASEAN đối với Việt Nam về “vấn đề Campuchia”. Ngày 29/7/1987, nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (BNG) Indonesia, hai bên đã ra thông cáo chung, đánh dấu sự kết thúc của thời kì đối đầu giữa Việt Nam và ASEAN xung quanh “vấn đề Campuchia” và mở ra thời kì của những cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa Hunsen và Sihanouk.

Những thuận lợi này đã mở ra cho Việt Nam một hướng mới trong việc giải quyết “vấn đề Campuchia”: nếu chưa nối lại được đàm phán với Trung Quốc, thì Việt Nam có thể chuyển sang hợp tác với các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế để tìm giải pháp cho “vấn đề Campuchia”. Nghị quyết 13 “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới” ngày 25/5/1988 của Bộ chính trị đã xác định: “*Vấn đề Campuchia phải được giải quyết với Trung Quốc, nhưng cho đến nay, Trung Quốc vẫn chưa muốn trực tiếp giải quyết với ta về ‘vấn đề Campuchia’.* Vì vậy, ta cần tiếp tục kiên trì mở ra nhiều hướng khác (Hunsen - Sihanouk, Việt Nam - Indonesia, Việt Nam - Thái Lan, ASEAN - Đông Dương, Việt Nam - Mĩ)... để thúc đẩy và kéo Trung

Quốc vào giải quyết. Dù giải quyết trực tiếp với Trung Quốc hay với các đối tác khác, thì việc giải quyết vấn đề Campuchia” cũng phục vụ cho mục tiêu bình thường hóa với Trung Quốc, không nhằm chống lại Trung Quốc”⁹.

Chủ trương của Nghị quyết 13 đã được các nước ASEAN đón nhận. Trong cuộc họp hàng năm của ASEAN diễn ra từ ngày 03/7/1988 đến ngày 05/7/1988 tại Bangkok (Thái Lan), các đại biểu đã bày tỏ niềm tin tưởng vững chắc rằng Việt Nam đã từ bỏ các mục tiêu quân sự của mình ở Campuchia và đang hướng toàn bộ nỗ lực vào giải pháp ngoại giao.

Nếu như trước đó, ASEAN và cộng đồng quốc tế cho rằng Việt Nam là mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh khu vực, thì giờ đây họ đã nhận ra được rằng, mối đe dọa đó chính là Khmer đỏ, là những hành động mà Trung Quốc đang tiến hành trên biển Đông chứ không phải là Việt Nam. Nhằm giải quyết viễn ảnh Khmer đỏ có thể giành được thế thượng phong quân sự sau khi quân Việt Nam rút toàn bộ, “*ASEAN với sự ủng hộ của Mĩ đã nhấn mạnh rằng Trung Quốc nhất thiết phải có mặt trong việc đề ra các bảo đảm quốc tế cho những thỏa thuận đạt được giữa các nước trong vùng quanh ‘vấn đề Campuchia’.* Đồng thời cũng cần thành lập một lực lượng quốc tế gìn giữ hòa bình đông đảo ở nước này”¹⁰.

Chính trên tinh thần của lập trường này, tại Hội nghị JIM-1 (Jakarta Informal Meeting) từ 25 đến 27/7/1988, các nước ASEAN đã đưa ra đề nghị giải giáp tất cả các phe Khmer đang xung đột ở Campuchia và sự cần thiết phải có một lực lượng vũ trang quốc tế ở nước này để thực hiện quyết định vừa kể. Đề nghị này phản ánh rõ ràng ý đồ của ASEAN là không muốn để bên nào chiếm được thế

Từ ngày 15/5/1987 đến 06/6/1987, Trung Quốc đã cho thực hiện một cuộc diễn tập lớn của Hải quân tại khu vực thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 14/3/1988, Trung Quốc cho quân đánh chiếm đảo Gạc Ma (Trường Sa) của Việt Nam.

Tháng 1 và tháng 2/1988, Hải quân Trung Quốc đã chiếm đóng các bãi đá Chữ Thập, Châu Viên và một số đảo san hô khác trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 13/4/1988, Quốc vụ viện nước CHND Trung Hoa đã phê chuẩn quyết định thành lập Khu hành chính Hải Nam thuộc tỉnh Quảng Đông, sau đó đặt tên bằng tiếng Hoa cho các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và tuyên bố sáp nhập vào địa phận của Hải Nam, bất chấp sự phản đối của Việt Nam.

⁹ Báo cáo của Văn phòng TW Đảng về công tác đối ngoại trong những năm đổi mới (1989), Phần 1, Cục lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng, tr. 15.

¹⁰ Lê Phụng Hoàng (1994), *Một số vấn đề về quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á (1975 - 1991)*, Trường ĐHSPTp. Hồ Chí Minh, tr. 61.

thượng phong ở Campuchia sau khi quân đội Việt Nam rút đi và trong lúc chờ tổng tuyển cử.

Trong bầu không khí ngày càng trở nên hòa dịu của quan hệ Việt Nam - ASEAN, tháng 8/1988, Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choonhavan đã tuyên bố rằng cần xem các nước Đông Dương không phải như là những chiến trường mà là những thị trường có thể trong tương lai. Sau đó, ngày 08/8/1988, Thủ tướng Thái Lan đã tuyên bố rằng Chính phủ sẽ khuyến khích các nhà doanh thương Thái Lan tăng các hoạt động thương mại với Lào và Việt Nam mà không cần xem xét đến việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia. Như vậy, quan hệ giữa Việt Nam với các nước cứng rắn nhất trong ASEAN đã được cải thiện. Sự hợp tác giữa Việt Nam với ASEAN đã mở ra một hướng giải quyết mới cho “vấn đề Campuchia” mà không phải phụ thuộc quá nhiều vào việc Trung Quốc có chấp nhận đàm phán với Việt Nam hay không.

Như vậy, đến cuối năm 1988, quan hệ Xô - Mĩ, Xô - Trung bước sang thời kì hòa dịu, quan hệ giữa Việt Nam với các nước thành viên ASEAN đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại và hợp tác, “vấn đề Campuchia” từng bước được quốc tế hóa, việc tiếp tục trì hoãn việc nối lại đàm phán với Việt Nam để giải quyết “vấn đề Campuchia” và bình thường hóa quan hệ Việt - Trung không còn phù hợp với tình hình quan hệ quốc tế và lợi ích của Trung Quốc nữa. Ngày 01/7/1988, phía Trung Quốc đưa ra tuyên bố đề xuất chủ trương bốn điểm giải quyết vấn đề Campuchia là sẽ nhanh chóng giải quyết vấn đề Việt Nam rút quân. Sau khi Việt Nam rút quân, Campuchia thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời bốn bên do hoàng thân Sihanouk đứng đầu. Sau khi thành lập chính phủ lâm thời sẽ tiến hành tự do bầu cử ở Campuchia; tiến hành giám sát quốc tế có hiệu quả đối với tiến trình nói trên.

Trước những thuận lợi trên, ngày 15/12/1988, Việt Nam đã chính thức đề nghị Trung Quốc tổ chức cuộc gặp cấp Bộ trưởng BNG để bàn về bình thường hóa quan hệ hai nước. Đáp lại lời đề nghị

của Việt Nam, ngày 24/12/1988, BNG Trung Quốc đã thông báo mời một Thứ trưởng ngoại giao của Việt Nam đi Bắc Kinh vào giữa tháng 01/1989 để trao đổi với Trung Quốc về “vấn đề Campuchia” và bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, chuẩn bị cho cuộc gặp Bộ trưởng BNG hai nước.

Sau 10 năm đối đầu gay gắt, trong đó có 8 năm nhất định từ chối đàm phán, cuối cùng Trung Quốc đã chấp nhận đối thoại với Việt Nam để giải quyết “vấn đề Campuchia” và bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Đây là sự kiện mở đầu cho tiến trình đàm phán để bình thường hóa quan hệ Việt - Trung.

3. Quá trình đàm phán và tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt - Trung

Mặc dù Trung Quốc đã chấp nhận nối lại đàm phán với Việt Nam, nhưng khi tiến hành đàm phán, điều kiện mới mà Trung Quốc đưa ra để đổi lấy việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước không chỉ là rút quân khỏi Campuchia mà Việt Nam còn phải ủng hộ lập trường của Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề này. Tuy nhiên, lập trường của Việt Nam là vấn đề nội bộ Campuchia phải do các bên Campuchia giải quyết. Quá trình đàm phán vừa được mở ra lại rơi vào tình trạng bế tắc.

Cuối cùng, hai bên đã đi đến thống nhất tiếp tục đàm phán cấp Thứ trưởng vòng hai và Trung Quốc cũng cho Việt Nam biết rằng: “nếu cuộc gặp vòng hai có kết quả và “vấn đề Campuchia” có tiến triển thì Trung Quốc mới khẳng định việc tổ chức cuộc gặp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của hai nước”¹¹.

Từ giữa năm 1989 trở đi, tình hình thế giới, khu vực và Trung Quốc có nhiều biến động to lớn, tạo ra những động lực mạnh mẽ thúc đẩy Trung Quốc sớm chấm dứt việc trì hoãn đàm phán để đi đến đẩy mạnh đàm phán và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Thứ nhất, “vấn đề Campuchia” từng bước được giải quyết: sau những thỏa thuận đạt được ở Hội nghị JIM-1, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh rút quân

¹¹ Vũ Quang Vinh (2001), *ĐCS Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại (1986-2000)*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, tr. 73.

khỏi Campuchia nhằm thúc đẩy xu thế đối thoại và tiến đến quốc tế hóa “vấn đề Campuchia” để tranh thủ các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế, kiềm chế những đòi hỏi của Trung Quốc. Tại Hội nghị JIM-2 (02/1989), các nước ASEAN đề nghị giải giáp tất cả lực lượng các bên Campuchia xung đột, để thay vào đó là lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hiệp quốc (LHQ) và đã nhận được sự ủng hộ của Mĩ, Trung Quốc, Liên hiệp quốc và cả Liên Xô, đồng thời phù hợp với chủ trương của Việt Nam và được các bên Campuchia đồng thuận.

Những thỏa thuận về giải pháp chính trị cho “vấn đề Campuchia” đạt được trong Hội nghị JIM-2 đã cho phép Việt Nam quyết định dứt khoát hơn trong việc rút quân khỏi Campuchia. Tháng 3/1989, Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành (BCH) Trung ương ĐCS Việt Nam (khóa VI) đã thể hiện quyết tâm: “*góp phần tích cực giải quyết vấn đề Campuchia bằng chính trị, đồng thời chuẩn bị tốt việc rút hết quân sớm trong trường hợp chưa có giải pháp về Campuchia*”¹²; ngày 05/4/1989, Việt Nam tuyên bố: “*Việt Nam rút hết quân đội của mình về nước trước tháng 9/1989, dù có giải pháp hay không*”¹³.

Thực hiện chủ trương trên, Việt Nam đã tham gia tích cực trong Hội nghị quốc tế về “vấn đề Campuchia” tại Paris (vòng 1: từ 30/7 đến 01/8, vòng 2: từ 28/8 đến 30/8/1989). Tuy nhiên, Hội nghị kết thúc mà các bên vẫn chưa đưa ra được một giải pháp cuối cùng cho vấn đề Campuchia.

Thực hiện đúng cam kết, từ ngày 21 đến 26/9/1989, Việt Nam đã rút hết quân tình nguyện còn lại ở Campuchia cùng toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh dưới sự quan sát của cộng đồng quốc tế. Ngày 23/10/1991, Hiệp định Paris về Campuchia được kí kết, “vấn đề Campuchia” – vật

căn lớn nhất của quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung do Trung Quốc đặt ra đã được tháo gỡ.

Thứ hai, xu thế hòa bình, hữu nghị trong quan hệ quốc tế và khu vực: tháng 12/1989, lãnh đạo Xô - Mĩ chính thức tuyên bố chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai nước, sự ngờ vực của các nước Đông Nam Á đối với Việt Nam cũng tan biến khi Việt Nam đã rút quân khỏi Campuchia (9/1989), quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN và các nước khác cũng dần hồi phục. Liên minh Trung - Mĩ, Trung - ASEAN chống lại Việt Nam và Liên Xô vì thế không còn lí do để tồn tại.

Chính sách kéo dài đàm phán, trì hoãn việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam làm cho Trung Quốc càng bị đẩy sâu vào thế bị cô lập, buộc phải thay đổi chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối với các quốc gia Đông Nam Á nói riêng, trong đó có Việt Nam.

Thứ ba, những thay đổi trong chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc: sau sự kiện Thiên An Môn (04/6/1989), Trung Quốc bị các nước phương Tây thi hành chính sách cấm vận. Trung Quốc bị đẩy vào thế bị bao vây, cô lập, đe dọa trực tiếp đến quá trình thực hiện mục tiêu “bốn hiện đại hóa” của nước này. Để tìm cách thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập, Trung Quốc đã thực hiện chủ trương tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á.

Trong lúc “vấn đề Campuchia” đã tìm được giải pháp chính trị, Việt Nam trở thành một nhân tố tích cực trong việc xây dựng một Đông Nam Á hòa bình và ổn định, thì Trung Quốc lại tăng cường xung đột, gây căng thẳng ở biển Đông, trì hoãn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Những lo ngại của các nước Đông Nam Á về sự bất ổn trong khu vực và nguy cơ bành trướng từ Trung Quốc như đã từng diễn ra trong quá khứ đã làm cho chủ trương tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á gặp phải những trở ngại lớn. Trong hoàn cảnh đó, Trung Quốc buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng cải thiện và thắt chặt quan hệ với

¹² ĐCS Việt Nam (1989), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khóa VI*, Nxb CTQG, Hà Nội, tr. 40.

¹³ “Tuyên bố chung của CHND Campuchia, CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam về việc rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước”, *Báo Nhân dân*, ngày 6/4/1989, tr. 3.

các nước láng giềng, đặc biệt là Đông Nam Á để từng bước đưa đất nước thoát khỏi thế bị cô lập, tiến tới giải tỏa sự bế tắc trong quan hệ với Mĩ và phương Tây.

Tháng 8/1990, Thủ tướng Lý Bằng đã thực hiện chuyến thăm đến các nước trong khối ASEAN. Nhằm trấn an những lo ngại của các nước này, Ông Lý Bằng đã tuyên bố rằng Trung Quốc sẽ sẵn sàng thương lượng và hợp tác về vấn đề Nam Sa (Trường Sa - TG) và sẽ đàm phán để bình thường hóa quan hệ với Việt Nam nhằm tạo môi trường hòa bình, ổn định cho khu vực.

Thứ tư, sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Đông Âu và Liên Xô: trong những năm từ 1989 đến 1991, các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô rơi vào khủng hoảng và từng bước sụp đổ. Trung Quốc trở thành nước XHCN lớn nhất trong số các nước còn lại. Mặc dù đang theo đuổi mục tiêu tranh thủ Mĩ và các nước tư bản phương Tây, nhưng Trung Quốc cũng phải đối mặt với cuộc đấu tranh trong lĩnh vực ý thức hệ tư tưởng. Thực tế này đòi hỏi Trung Quốc và các nước XHCN còn lại khác phải xích lại gần nhau hơn.

Thứ năm, những lợi ích kinh tế của nhân dân hai nước: mặc dù quan hệ Việt - Trung chưa chính thức được bình thường hóa trở lại, nhưng những hoạt động giao lưu buôn bán giữa nhân dân vùng biên giới hai nước đã diễn ra mạnh mẽ¹⁴. Việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung không chỉ là mong muốn của nhân dân hai nước mà còn mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho cả hai quốc gia.

Những biến động to lớn của tình hình quan hệ quốc tế và trong nước như trên đã buộc Trung Quốc phải chấp nhận hạ thấp một phần vai trò của mình trong quá trình giải quyết “vấn đề Campuchia”, và điều chỉnh chính sách trong quan hệ với các nước

láng giềng Đông Nam Á trong đó có việc thúc đẩy vấn đề bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Ngày 12/8/1990, trong lúc đang ở thăm Singapore, Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng đã đưa ra tuyên bố: “Trung Quốc hy vọng cuối cùng sẽ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam”¹⁵. Đáp lại, ngày 13/8/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (HĐBT) Đỗ Mười đã ra tuyên bố hoan nghênh và khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và giải quyết những vấn đề giữa hai nước bằng thương lượng hòa bình”¹⁶.

Ngày 29/8/1990, Đại sứ Trung Quốc tại Hà Nội đã chuyển thông điệp của TBT ĐCS Trung Quốc Giang Trạch Dân và Thủ tướng Lý Bằng mời TBT ĐCS Việt Nam Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch HĐBT Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng sang đàm phán với Trung Quốc tại Thành Đô (thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên) trong tháng 9/1990 để thỏa thuận về việc giải quyết “vấn đề Campuchia” và bình thường hóa quan hệ Việt - Trung.

Từ ngày 03 đến 04/9/1990, cuộc đàm phán Việt - Trung đã diễn ra tại Thành Đô giữa TBT Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch HĐBT Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng của Việt Nam với TBT ĐCS Giang Trạch Dân, Thủ tướng Lý Bằng của Trung Quốc. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của lãnh đạo cấp cao hai nước kể từ khi mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc xấu đi. Từ sau cuộc đàm phán ở Thành Đô, quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung bắt đầu có những chuyển biến nhanh hơn:

Trước hết là chuyến thăm Trung Quốc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với tư cách là khách mời đặc biệt của Chính phủ Trung Quốc nhân lễ khai mạc Á vận hội lần thứ 14 (ASIAD 90 diễn ra từ 18 đến 28/9/1990).

Báo cáo tại kì họp thứ tư, Quốc hội Trung Quốc khóa VII ngày 25/3/1991, Thủ tướng Lý Bằng đã

¹⁴ Tháng 1/1989, Việt Nam ra văn bản số 118 chính thức cho nhân dân hai bên biên giới được xuất nhập cảnh và đồng thời Trung Quốc lần lượt mở cửa một số điểm buôn bán công khai ở biên giới từ năm 1988 đã hình thành nên nhiều điểm buôn bán trên đường biên giới hai nước, thực tế đó cho thấy nhu cầu trao đổi, hợp tác kinh tế giữa nhân dân hai nước là rất lớn.

¹⁵ Lưu Văn Lợi (1998), Sdd, tr. 208.

¹⁶ Nguyễn Thị Mai Hoa (2007), Chủ trương của ĐCS Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc từ năm 1975 đến năm 2001, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 91.

tuyên bố: “*Trung Quốc mong muốn cùng với cộng đồng quốc tế, trong khuôn khổ các văn kiện có liên quan của LHQ, thông qua cố gắng sớm giải quyết toàn diện, công bằng hợp lí “vấn đề Campuchia”.* Cùng với sự tiến triển của việc giải quyết chính trị “vấn đề Campuchia”, quan hệ Việt - Trung đã bắt đầu tan băng cũng sẽ được phục hồi từng bước”¹⁷.

Về phía Việt Nam, chủ trương thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc tiếp tục được ĐCS Việt Nam xem là một nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm. Báo cáo chính trị của BCH Trung ương khóa VI về các văn kiện trình Đại hội VII của ĐCS Việt Nam xác định: “Phấn đấu góp phần sớm đạt một giải pháp chính trị toàn bộ về “vấn đề Campuchia”, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hiệp quốc. Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, từng bước mở rộng hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng”¹⁸.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo hai nước, những hoạt động ngoại giao cấp Thứ trưởng và Bộ trưởng và các cấp cao hơn giữa hai bên đã liên tiếp diễn ra để chuẩn bị cho việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung khi “vấn đề Campuchia” được giải quyết.

Từ ngày 28/7 đến 02/8/1991, Đoàn đại diện đặc biệt của Trung ương ĐCS Việt Nam do Thường trực Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lê Đức Anh và Trưởng ban đối ngoại Trung ương Hồng Hà dẫn đầu sang thăm và đàm phán về việc bình thường hóa quan hệ giữa hai Đảng và hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Trong buổi làm việc với đoàn đại diện đặc biệt của ĐCS Việt Nam, TBT ĐCS Trung Quốc Giang Trạch Dân đã phát biểu: “Chúng ta là hai nước láng giềng, hai ĐCS cầm quyền, không có lí do gì không xây dựng quan hệ

láng giềng, hữu hảo với nhau”¹⁹ và thông qua đoàn đại diện đặc biệt của ĐCS Việt Nam, TBT Giang Trạch Dân đại diện Đảng và Nhà nước Trung Quốc mời đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam do TBT Đỗ Mười dẫn đầu sang thăm chính thức Trung Quốc trong năm 1991.

Trong bối cảnh Hiệp định Paris về “vấn đề Campuchia” đã được kí kết (23/10/1991) và sự chuẩn bị của BNG hai nước cho việc chính thức bình thường hóa quan hệ đã hoàn tất, từ ngày 05/11/1991 đến 10/11/1991, TBT Đỗ Mười và Chủ tịch HĐBT Võ Văn Kiệt đã dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam sang thăm chính thức nước CHND Trung Hoa theo lời mời của TBT ĐCS Trung Quốc Giang Trạch Dân. Kết thúc chuyến thăm, hai bên đã kí thông cáo chung, tuyên bố bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, bản thông cáo nêu rõ: “*Hai bên tuyên bố hai nước Việt Nam - Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở năm nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm phạm lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình. Hai ĐCS Việt Nam và Trung Quốc sẽ khôi phục quan hệ bình thường trên các nguyên tắc độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau*”²⁰.

Ngoài ra, lãnh đạo hai nước cũng đã kí Hiệp định thương mại và Hiệp định tạm thời về việc giải quyết công việc vùng biên giới giữa hai nước, tạo cơ sở pháp lí đầu tiên cho việc khôi phục quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trên lĩnh vực thương mại và giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ. Chuyến thăm này đã đánh dấu sự bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, mở ra một trang mới trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc sau 13 năm băng giá.

¹⁷ Lí Bằng (1991), “Báo cáo tại kì họp hàng năm Quốc hội Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt (TTXVN)*, ngày 28/3/1991, tr. 3.

¹⁸ ĐCS Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, Hà Nội, tr. 89.

¹⁹ Trần Văn Độ (Chủ biên) (2002), *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những sự kiện 1991 - 2000*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 25.

²⁰ “Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1991”, Báo Nhân Dân, ngày 11/11/1991, tr. 2.

4. Kết luận

Khôi phục đàm phán, tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt - Trung là một trong những nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của quá trình hiện thực hóa đường lối đối ngoại đổi mới của ĐCS Việt Nam. Đó là một quá trình đầy khó khăn và thử thách. Trong quá trình đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tích cực, sáng tạo và chủ động thực hiện nhiều biện pháp phù hợp với xu thế chung của tình hình quan hệ quốc tế để thúc đẩy Trung Quốc nối lại đàm phán và đưa quan hệ hai nước trở lại bình thường.

Có thể nói, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa là kết quả tất yếu, phù hợp với yêu cầu phát triển của cả hai nước, nhu cầu hòa bình và ổn định trong khu vực và thế giới và đặc biệt là những nỗ lực ngoại giao đầy sáng tạo của Việt Nam. Đây là một thắng lợi lớn trong quá trình đấu tranh ngoại giao với Trung Quốc nói riêng và thành công của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam từ sau đổi mới nói chung.

Process of normalizing the relation with China under the reform of foreign policy of The Communist Party of Vietnam (1986-1991)

- **Pham Phuc Vinh**

Saigon University

ABSTRACT:

At the 6th National Congress (from Dec. 5, 1986 to Dec. 18, 1986), the Communist Party of Vietnam pointed out a new policy of fundamental renovation for the whole country, among which foreign diplomacy was one issue. Particularly for China, the Communist Party of Vietnam aimed to accelerate the normalization process of Vietnam-China relationships. To successfully carry out the policy, Vietnamese Communist Party had been taking actions proposing negotiations to

normalize relationships and to ease tensions between the two countries since 1986; however, China then did not want to. Until 1989, the world faced many changes. As a result, tense relationships between Vietnam and China were no longer suitable with the trends of peace and cooperation in international and regional relationships. China then continued peace talks with Vietnam, and in November 1991, the two countries set up normal relationships with each other.

Keywords: Vietnam, China, normalization, reform, foreign affairs

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo của Văn phòng TW Đảng về công tác đối ngoại trong những năm đổi mới (1989), Phần 1, Cục lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2]. Lí Bằng (1991), “Báo cáo tại kì họp hàng năm Quốc hội Trung Quốc”, Tài liệu tham khảo đặc biệt (TTXVN), ngày 28/3/1991.
- [3]. ĐCS Việt Nam (1982), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần V (t.1), Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [4]. ĐCS Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [5]. ĐCS Việt Nam (1989), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khóa VI, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [6]. ĐCS Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [7]. Trần Văn Độ (Chủ biên) (2002), Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những sự kiện 1991-2000, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Thị Mai Hoa (2007), Chủ trương của ĐCS Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc từ năm 1975 đến năm 2001, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9]. Lê Phụng Hoàng (1994), Một số vấn đề về quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á (1975 - 1991), Trường ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh.
- [10]. Lưu Văn Lợi (1998), Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995 (t.2), Nxb CAND, Hà Nội.
- [11]. Qian Qichen (2006), Ten Episodes in China's Diplomacy, Hardcover – Bargain Price, New York.
- [12]. “Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1991”, Báo Nhân Dân, ngày 11/11/1991.
- [13]. Thông tấn xã Việt Nam (1991), Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 26/6/1991.
- [14]. “Tuyên bố chung của CHND Campuchia, CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam về việc rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước”, Báo Nhân dân, ngày 6/4/1989.
- [15]. Vũ Quang Vinh (2001), ĐCS Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại (1986-2000), Nxb Thanh Niên, Hà Nội.